CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
DN: C=VN, L=HƯNG YÊN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0900986272
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.27 14:21:48+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
HOA PHAT AGRICULTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 39/2026/TB-PTNN
No.: 39/2026/TB-PTNN

Hưng Yên, ngày 27 tháng 10 năm 2026
Hung Yen, day 27 month 10 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

To: Hochiminh Stock Exchange/State Securities Commission of Vietnam

1. Tên tổ chức/*Name of organization:* CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT/ *HOA PHAT AGRICULTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:* HPA

- Địa chỉ/*Address:* Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam/ *Pho Noi A Industrial Zone, Nguyen Van Linh Commune, Hung Yen Province, Vietnam*

- Điện thoại liên hệ/*Tel.:* 02462797000 Fax:

- E-mail: ir.hpa@hoaphat.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Quý 3/2026/ *Consolidated and separate Financial Statement Quarter 3/2026.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/10/2026 tại đường dẫn : https://nongnghiep.hoaphat.com.vn/
This information was published on the company's website on 27/10/2026, as in the link: https://nongnghiep.hoaphat.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Q3/2026 / Consolidated and separate Financial Statement Quarter 3/2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative

M.S.D.N: 0900986272 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
TỈNH HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Hồng Vân

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2026

Tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026	01/01/2026 (Phân loại lại)
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**4.043.723.120.217**	**2.574.000.789.248**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4**	**866.233.393.909**	**714.522.264.843**
1.	Tiền	111		88.034.755.048	520.039.784.256
2.	Các khoản tương đương tiền	112		778.198.638.861	194.482.480.587
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**5**	**1.332.782.086.852**	**568.359.866.050**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.332.782.086.852	568.359.866.050
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**207.112.649.440**	**155.685.918.841**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	105.314.015.981	135.844.631.733
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		88.986.109.599	12.547.195.933
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	7	22.138.735.658	16.190.922.312
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(9.326.211.798)	(8.896.831.137)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**8**	**561.475.345.779**	**442.732.169.848**
1.	Hàng tồn kho	141		564.986.149.866	444.259.873.291
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(3.510.804.087)	(1.527.703.443)
V.	**Tài sản sinh học ngắn hạn**	**150**	**10**	**1.063.361.653.900**	**679.957.518.661**
1.	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		1.064.521.014.810	683.874.334.539
2.	Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		2.748.664.281	1.884.153.927
3.	Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		(3.908.025.191)	(5.800.969.805)
VI.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**12.757.990.337**	**12.743.051.005**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	9	12.016.438.743	12.304.420.893
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		263.691.134	265.332.443
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	18	477.860.460	173.297.669

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026	01/01/2026 (Phân loại lại)
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**1.932.231.719.402**	**2.126.315.323.536**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**56.518.812.544**	**66.583.062.297**
1.	Phải thu dài hạn khác	215	7	56.518.812.544	66.583.062.297
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**931.033.914.144**	**1.114.771.918.788**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	917.634.130.497	1.100.933.422.425
	- Nguyên giá	*222*		4.345.871.740.977	*4.306.117.100.504*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		(3.428.237.610.480)	*(3.205.183.678.079)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	12	13.399.783.647	13.838.496.363
	- Nguyên giá	*228*		19.468.648.539	*19.468.648.539*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		(6.068.864.892)	*(5.630.152.176)*
III.	**Tài sản sinh học dài hạn**	**230**		**185.847.631.105**	**214.185.788.362**
1.	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		185.847.631.105	214.185.788.362
a.	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232	10.1	43.867.991.155	36.452.140.917
b.	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233	10.2	141.979.639.950	177.733.647.445
	- Nguyên giá	*234*		272.089.910.218	*301.551.863.064*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*235*		(130.110.270.268)	*(123.818.215.619)*
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**250**		**309.120.605.057**	**299.032.332.433**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	13	309.120.605.057	299.032.332.433
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**449.710.756.552**	**431.742.221.656**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	9	436.861.376.981	419.704.857.467
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	14	12.849.379.571	12.037.364.189
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**5.975.954.839.619**	**4.700.316.112.784**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2026	01/01/2026
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.237.519.763.705**	**1.520.244.500.381**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**1.237.450.763.705**	**1.501.137.396.613**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	365.904.349.646	176.676.414.597
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.954.027.843	11.005.552.782
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		148.125.000	102.062.212
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	18	101.488.792.576	131.964.529.230
5.	Phải trả người lao động	315		26.212.690.189	45.215.826.516
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	16	65.485.868.631	37.347.014.228
7.	Phải trả ngắn hạn khác	320	17	1.859.346.929	441.068.639.816
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	19	647.309.923.310	592.675.614.333
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	20	23.087.639.581	65.081.742.899
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**69.000.000**	**19.107.103.768**
1.	Phải trả dài hạn khác	338	17	69.000.000	69.000.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	19.000.000.000
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	38.103.768
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**21**	**4.738.435.075.914**	**3.180.071.612.403**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.850.000.000.000	2.550.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		2.850.000.000.000	2.550.000.000.000
2.	Thặng dư vốn	412		911.866.210.000	-
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		950.075.608.757	608.219.802.764
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	*420a*		647.874.606.460	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*420b*		302.201.002.297	608.219.802.764
4.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		26.493.257.157	21.851.809.639
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**5.975.954.839.619**	**4.700.316.112.784**

Nguyễn Thị Hồng Thắng
Người lập biểu/Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0900986272 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
TỈNH HƯNG YÊN

Phạm Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

HÒA PHÁT
NÔNG NGHIỆP

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2026	Quý III năm 2025	9 tháng năm 2026	9 tháng năm 2025
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.684.864.939.832	2.084.030.511.205	5.064.209.847.893	6.409.021.676.240
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	47.902.126.426	52.920.150.157	140.601.407.108	149.886.097.342
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**1.636.962.813.406**	**2.031.110.361.048**	**4.923.608.440.785**	**6.259.135.578.898**
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.223.631.747.527	1.547.448.500.603	3.637.006.858.527	4.569.327.668.540
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**413.331.065.879**	**483.661.860.445**	**1.286.601.582.258**	**1.689.807.910.358**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	25	35.071.377.106	14.321.156.701	74.392.238.390	38.177.250.823
7.	Chi phí tài chính	23	26	*11.877.209.935*	22.178.273.821	30.095.296.297	*53.188.545.135*
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		11.773.667.303	21.007.857.578	29.718.096.252	45.674.224.207
8.	Chi phí bán hàng	25	27	53.539.697.245	48.983.075.838	153.587.109.232	146.938.421.409
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	44.693.508.517	40.994.867.825	133.852.832.013	118.047.877.757
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21+(22-23)-(25+26)+27}**	**30**		**338.292.027.288**	**385.826.799.662**	**1.043.458.583.106**	**1.409.810.316.880**
11.	Thu nhập khác	31		717.355.692	1.520.031.759	10.284.176.078	3.082.425.803
12.	Chi phí khác	32		126.030.941	48.926.791	1.758.553.241	792.451.105
13.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**591.324.751**	**1.471.104.968**	**8.525.622.837**	**2.289.974.698**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**338.883.352.039**	**387.297.904.630**	**1.051.984.205.943**	**1.412.100.291.578**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	36.695.252.184	27.349.987.723	104.611.774.045	114.257.080.771
16.	(Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.184.112.588	1.947.185.409	(850.119.150)	595.034.874
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)**	**60**		**300.003.987.267**	**358.000.731.498**	**948.222.551.048**	**1.297.248.175.933**
18.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		302.201.002.297	358.374.771.824	943.555.805.993	1.294.955.008.294
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(2.197.015.030)	(374.040.326)	4.666.745.055	2.293.167.639

Nguyễn Thị Hồng Thắng
Người lập biểu/Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0900988272 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
TỈNH HƯNG YÊN

Phạm Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	9 tháng năm 2026	9 tháng năm 2025
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	**1.051.984.205.943**	**1.412.100.291.578**
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	Khấu hao tài sản cố định, phân bổ tiền thuê đất trả trước	02	244.800.817.141	301.608.885.479
	Các khoản dự phòng	03	519.536.691	(8.076.453.088)
	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	70.935.479	585.392.657
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(53.133.193.534)	(10.200.313.375)
	Chi phí lãi vay	06	29.718.096.252	45.674.224.207
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	**1.273.960.397.972**	**1.741.692.027.458**
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	9.645.749.959	35.643.640.361
	Tăng, giảm hàng tồn kho và tài sản sinh học	10	(474.606.921.989)	(306.107.983.333)
	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	185.780.636.221	46.476.994.953
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(24.677.803.225)	11.939.935.983
	Tiền lãi vay đã trả	14	(21.052.307.826)	(42.926.485.056)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(136.305.612.933)	(94.710.854.170)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(45.194.103.318)	(7.545.102.554)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	**767.550.034.861**	**1.384.462.173.642**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(118.038.887.560)	(39.811.701.879)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.963.892.022	43.336.720.735
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.218.133.165.633)	(471.860.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.485.913.165.633	629.800.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.784.567.527	12.096.257.598
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	**(827.510.428.011)**	**173.561.276.454**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 09 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	9 tháng năm 2026	9 tháng năm 2025
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	774.557.479.800	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(19.947.091)	(250.050.000.000)
3.	Tiền thu từ đi vay	33	512.682.429.298	1.504.358.205.211
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(477.048.120.321)	(1.399.037.705.896)
5.	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(598.499.287.658)	(1.368.265.879.919)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	**211.672.554.028**	**(1.512.995.380.604)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**151.712.160.878**	**45.028.069.492**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**714.522.264.843**	**524.444.966.689**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.031.812)	992.631
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**866.233.393.909**	**569.474.028.812**

M.S.D.N: 0900986272 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Thị Hồng Thắng
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2026

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0900986272 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2016 và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 11 ngày 13 tháng 01 năm 2026.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm; và
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là chăn nuôi, buôn bán nông sản, động vật sống và sản xuất thức ăn cho gia súc, gia cầm.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2026 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
	Công ty con trực tiếp				
1	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Hà Nội	99,9479%	99,9479%	Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch
2	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát	Hưng Yên	99,9875%	99,9875%	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt
3	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Hưng Yên	100%	100%	Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
4	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Phú Thọ	100%	100%	Chăn nuôi gia cầm
	Công ty con gián tiếp				
1	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	Quảng Trị	72,6821%	72,72%	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng	Hưng Yên	99,9479%	100%	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt
3	Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát	Đồng Nai	99,9479%	100%	Chăn nuôi gia súc, gia cầm; hoạt động dịch vụ trồng trọt
4	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Đồng Nai	Đồng Nai	99,9479%	100%	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác
5	Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động	Bắc Ninh	99,9875%	100%	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác
6	Công ty TNHH Chăn nuôi Lạc Thủy	Phú Thọ	99,9875%	100%	Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác
7	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên	Lào Cai	99,9875%	100%	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi khác
8	Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	Đồng Nai	99,9967%	99,9992%	Chăn nuôi heo giống và heo thịt
9	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hải Ninh	Lâm Đồng	99,9835%	99,996%	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt
10	Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy	Hưng Yên	99,9875%	100%	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi khác
11	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
12	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Phú Thọ	Phú Thọ	100%	100%	Sản xuất thức ăn chăn nuôi

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên báo cáo tình hình tài chính quý 3, và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được phân loại lại.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 3, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/09/2026 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính quý 3 năm 2025.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán các khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận chuyển nhượng hợp pháp được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất lâu dài bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không trích hao mòn với những quyền sử dụng đất lâu dài.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 03 đến 06 năm.

Thuê tài sản

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản sinh học

Súc vật nuôi cho sản phẩm một lần, cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần

Súc vật nuôi cho sản phẩm một lần, cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của TSSH là Súc vật nuôi cho sản phẩm một lần, cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần bao gồm toàn bộ chi phí mua, chăm sóc, nuôi dưỡng,... phát sinh liên quan trực tiếp đến các tài sản này.

Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ ở giai đoạn trưởng thành

Tài sản sinh học là Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ ở giai đoạn trưởng thành được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất phản ánh 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ ở giai đoạn trưởng thành: áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành

Tài sản sinh học là súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của Tài sản sinh học mới tạo ra bao gồm phần chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng phát sinh trong kỳ tính cho tài sản sinh học mới đó và chi phí khấu hao tài sản sinh học mẹ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hoạt động được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước;
- Quyền thuê đất và tài sản trên đất;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí hỗ trợ đền bù đất và giải phóng mặt bằng;
- Chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng; và
- Các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê đất trả trước

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Quyền thuê đất và tài sản trên đất

Quyền thuê đất và tài sản trên đất là quyền thuê đối với thửa đất tại tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) theo Hợp đồng thuê đất số 49/HĐTĐ giữa Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình - công ty con gián tiếp của Công ty và Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Trị). Quyền thuê đất và tài sản trên đất được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 26 năm.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Công cụ, dụng cụ xuất dùng là giá trị các công cụ, dụng cụ phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiều kỳ hoạt động và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí hỗ trợ đền bù đất và giải phóng mặt bằng

Chi phí hỗ trợ đền bù đất và giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất tương ứng với chi phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng phát sinh.

Chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng

Chi phí sửa chữa tài sản bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến sửa chữa, nâng cấp các tài sản cố định của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

Chi phí trả trước khác

Các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất , sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất .

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất ; và

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	10.271.241.218	2.845.375.560
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.763.513.830	517.194.408.696
Các khoản tiền đang chuyển	1.000.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (i)	778.198.638.861	194.482.480.587
	866.233.393.909	**714.522.264.843**

(i) Các khoản tương đương tiền chủ yếu phản ánh khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, chứng chỉ tiền gửi với mục đích nắm giữ không quá 3 tháng và lãi dự thu với lãi suất từ 4,75 đến 6,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 4,75%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/09/2026 VND		01/01/2026 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.332.782.086.852	1.332.782.086.852	568.359.866.050	568.359.866.050

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và lãi dự thu với lãi suất từ 8,0%/năm đến 9,3%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: từ 4,4%/năm đến 8,5%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2026 VND		01/01/2026 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	**105.314.015.981**	**(9.326.211.798)**	**135.844.631.733**	**(8.896.831.137)**
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn	105.314.015.981	(9.326.211.798)	135.844.631.733	(8.896.831.137)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

7. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Tiền đặt cọc cho Hợp đồng thuê trang trại(i)	12.000.000.000	8.400.000.000
Ký quỹ, ký cược	3.994.949.165	3.994.949.165
Khác	6.143.786.493	3.795.973.147
	22.138.735.658	**16.190.922.312**
b. Dài hạn		
Tiền đặt cọc cho Hợp đồng thuê trang trại (i)	56.491.812.544	64.204.037.297
Ký quỹ, ký cược	27.000.000	2.379.025.000
	56.518.812.544	**66.583.062.297**

(i) Phản ánh số dư khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng thuê trang trại với thời hạn 20 năm. Khoản tiền đặt cọc này không chịu lãi và sẽ được giảm trừ với tiền thuê hàng tháng trong suốt thời gian của Hợp đồng thuê trang trại nói trên đến năm 2045.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	150.671.922.613	-	77.237.268.407	-
Nguyên liệu, vật liệu	281.524.894.065	(735.982.356)	265.103.976.392	(438.003.105)
Công cụ, dụng cụ	64.628.675.951	-	59.013.963.990	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.323.903.042	(1.434.556.299)	16.467.686.956	(737.723.376)
Thành phẩm	45.829.000.862	(1.340.265.432)	26.428.142.319	(351.976.962)
Hàng hoá	7.753.333	-	8.835.227	-
	564.986.149.866	**(3.510.804.087)**	**444.259.873.291**	**(1.527.703.443)**

9. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.863.770.850	6.013.197.557
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	1.080.306.302	577.941.515
Khác	7.072.361.591	5.713.281.821
	12.016.438.743	**12.304.420.893**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất trả trước	299.368.704.616	306.556.990.316
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	26.946.340.303	17.855.234.617
Chi phí hỗ trợ đền bù và giải phóng mặt bằng	55.634.867.637	57.393.139.062
Khác	54.911.464.425	37.899.493.472
	436.861.376.981	**419.704.857.467**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

10. TÀI SẢN SINH HỌC

10.1 TÀI SẢN SINH HỌC KHÁC, TRỪ SÚC VẬT CHO SẢN PHẨM ĐỊNH KỲ ĐẾN GIAI ĐOẠN TRƯỞNG THÀNH

	30/09/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần	**1.064.521.014.810**	**1.060.612.989.619**	**683.874.334.539**	**678.073.364.734**
a) Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	1.064.521.014.810	1.060.612.989.619	683.874.334.539	678.073.364.734
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần	**2.748.664.281**	**2.748.664.281**	**1.884.153.927**	**1.884.153.927**
a) Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	2.748.664.281	2.748.664.281	1.884.153.927	1.884.153.927
3. Tài sản sinh học cho sản phẩm định kỳ chưa trưởng thành	**43.867.991.155**	**43.867.991.155**	**36.452.140.917**	**36.452.140.917**

10.2 SÚC VẬT CHO SẢN PHẨM ĐỊNH KỲ ĐẾN GIAI ĐOẠN TRƯỞNG THÀNH

	Heo sinh sản	Gà sinh sản	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư 01/01/2026	**227.945.128.407**	**73.606.734.657**	**301.551.863.064**
Tăng trong kỳ	151.272.482.967	89.839.193.172	241.111.676.139
Thanh lý, nhượng bán	(239.278.704.008)	(25.197.058.280)	(264.475.762.288)
Xóa sổ	-	(6.097.866.697)	(6.097.866.697)
Số dư 30/09/2026	**139.938.907.366**	**132.151.002.852**	**272.089.910.218**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư 01/01/2026	**123.818.215.619**	**-**	**123.818.215.619**
Khấu hao trong kỳ	67.945.427.101	96.359.742.948	164.305.170.049
Thanh lý, nhượng bán	(131.233.938.555)	(24.910.152.510)	(156.144.091.065)
Xóa sổ	-	(1.869.024.335)	(1.869.024.335)
Số dư 30/09/2026	**60.529.704.165**	**69.580.566.103**	**130.110.270.268**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2026	**104.126.912.788**	**73.606.734.657**	**177.733.647.445**
Tại ngày 30/09/2026	**79.409.203.201**	**62.570.436.749**	**141.979.639.950**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cây trồng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư 01/01/2026	**2.624.532.744.109**	**1.419.430.159.799**	**244.005.053.301**	**11.346.300.314**	**1.390.353.270**	**5.412.489.711**	**4.306.117.100.504**
Tăng trong kỳ	1.066.459.627	3.304.516.256	1.510.218.425	859.628.742	-	-	6.740.823.050
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	25.427.384.451	22.322.353.125	1.877.840.000	553.258.200	103.021.799	-	50.283.857.575
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.022.846.792)	(13.374.830.731)	-	-	-	(16.397.677.523)
Xóa sổ	(872.362.629)	-	-	-	-	-	(872.362.629)
Số dư 30/09/2026	**2.650.154.225.558**	**1.442.034.182.388**	**234.018.280.995**	**12.759.187.256**	**1.493.375.069**	**5.412.489.711**	**4.345.871.740.977**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư 01/01/2026	**1.882.736.717.797**	**1.120.985.086.090**	**188.234.206.377**	**8.204.361.545**	**427.476.380**	**4.595.829.890**	**3.205.183.678.079**
Khấu hao trong kỳ	143.757.130.601	78.409.777.738	14.952.983.911	718.570.845	453.211.208	214.811.433	238.506.485.736
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.021.918.874)	(11.831.775.411)	-	-	-	(14.853.694.285)
Xóa sổ	(598.859.050)	-	-	-	-	-	(598.859.050)
Số dư 30/09/2026	**2.025.894.989.348**	**1.196.372.944.954**	**191.355.414.877**	**8.922.932.390**	**880.687.588**	**4.810.641.323**	**3.428.237.610.480**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 01/01/2026	**741.796.026.312**	**298.445.073.709**	**55.770.846.924**	**3.141.938.769**	**962.876.890**	**816.659.821**	**1.100.933.422.425**
Tại ngày 30/09/2026	**624.259.236.210**	**245.661.237.434**	**42.662.866.118**	**3.836.254.866**	**612.687.481**	**601.848.388**	**917.634.130.497**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư 01/01/2026	**12.860.000.000**	**6.608.648.539**	**19.468.648.539**
Số dư 30/09/2026	**12.860.000.000**	**6.608.648.539**	**19.468.648.539**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư 01/01/2026	-	**5.630.152.176**	**5.630.152.176**
Khấu hao trong kỳ	-	438.712.716	438.712.716
Số dư 30/09/2026	-	**6.068.864.892**	**6.068.864.892**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2026	**12.860.000.000**	**978.496.363**	**13.838.496.363**
Tại ngày 30/09/2026	**12.860.000.000**	**539.783.647**	**13.399.783.647**

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Dự án xây dựng trang trại chăn nuôi lợn Long Hà 2	255.517.037.995	251.804.389.006
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	53.603.567.062	47.227.943.427
	309.120.605.057	**299.032.332.433**

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	30/09/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chi phí phải trả	6.312.259.571	6.312.259.571
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lợi nhuận chưa thực hiện đối với giao dịch nội bộ	6.537.120.000	5.725.104.618
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**12.849.379.571**	**12.037.364.189**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2026 VND Giá trị/Số có khả năng trả nợ	01/01/2026 VND Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Louis Dreyfus Company Asia Pte. Ltd.	56.621.092.500	13.197.072.525
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ASIA GOLDMAN	26.235.580.500	-
TK FARM INTERNATIONAL TRADING CO.,LTD	5.662.689.131	4.772.961.895
Công ty TNHH TM SX Me Non	4.625.247.500	3.383.912.500
Enerfo Pte Ltd	-	12.128.144.600
CÔNG TY TNHH CZARNIKOW (VIỆT NAM)	-	7.179.046.840
BUNGE SA	-	6.969.573.608
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ THUẬN AN	-	5.421.654.000
Công ty CP thương mại và đầu tư nông nghiệp Việt	-	4.678.349.500
Khác	272.759.740.015	118.945.699.129
	365.904.349.646	**176.676.414.597**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
Chiết khấu thương mại	33.938.687.118	31.205.803.333
Chi phí lương, thưởng	15.784.171.729	-
Chi phí lãi vay	9.291.802.457	626.014.031
Chi phí phải trả cho nhà thầu	357.479.133	357.479.133
Các khoản trích trước khác	6.113.728.194	5.157.717.731
	65.485.868.631	**37.347.014.228**

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2026 VND	01/01/2026 VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản tiền nhận đặt cọc và thanh toán tiền mua IPO cổ phiếu	-	439.016.917.840
Khác	1.859.346.929	2.051.721.976
	1.859.346.929	**441.068.639.816**
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	69.000.000	69.000.000
	69.000.000	**69.000.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu 01/01/2026 VND	Số phải trả 01/01/2026 VND	Số phải nộp /thu trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu 30/09/2026 VND	Số phải trả 30/09/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	77.777.778	277.857.923	2.424.256.206	2.640.722.446	111.111.111	94.725.016
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	150.828.257	150.828.257	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	69.594.883	69.594.883	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	130.251.452.824	104.611.774.045	136.305.612.933	-	98.557.613.936
Thuế thu nhập cá nhân	92.519.891	949.037.397	14.411.177.688	13.360.178.000	361.068.452	2.268.585.646
Thuế tài nguyên	-	12.252.796	383.609.838	368.507.437	-	27.355.197
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	7.497.347	7.497.347	-	-
Các loại thuế, phí khác	3.000.000	473.928.290	1.073.259.893	1.009.356.299	5.680.897	540.512.781
	173.297.669	**131.964.529.230**	**123.131.998.157**	**153.912.297.602**	**477.860.460**	**101.488.792.576**

19. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2026 VND		Trong kỳ VND		30/09/2026 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng	592.675.614.333	592.675.614.333	1.505.281.901.320	1.530.647.592.343	567.309.923.310	567.309.923.310
Khác	-	-	320.000.000.000	240.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
	592.675.614.333	**592.675.614.333**	**1.825.281.901.320**	**1.770.647.592.343**	**647.309.923.310**	**647.309.923.310**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, các khoản vay ngắn hạn thể hiện vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất từ 7,0%/năm đến 7,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: từ 4,5%/năm đến 6,6%/năm)

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi một phần được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo sự phê duyệt của Ban lãnh đạo của Công ty và các công ty con và một phần được phân bổ từ Công ty mẹ. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	VND
Số dư 01/01/2026	**65.081.742.899**
Tăng trong kỳ	
- Trích quỹ	3.200.000.000
Giảm trong kỳ	
- Sử dụng quỹ	(45.194.103.318)
Số dư 30/09/2026	**23.087.639.581**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư 01/01/2025	**2.800.000.000.000**	-	**421.056.068.187**	**18.944.256.496**	**3.240.000.324.683**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	1.596.841.806.466	3.409.184.303	1.600.250.990.769
Giảm vốn trong kỳ	(250.000.000.000)	-	-	(50.000.000)	(250.050.000.000)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(41.793.590.040)	(6.409.960)	(41.800.000.000)
Biến động khác	-	-	79.221.748	(79.221.748)	-
Trả cổ tức	-	-	(1.367.963.703.597)	(365.999.452)	(1.368.329.703.049)
Số dư 31/12/2025	**2.550.000.000.000**	-	**608.219.802.764**	**21.851.809.639**	**3.180.071.612.403**
Số dư 01/01/2026	**2.550.000.000.000**	-	**608.219.802.764**	**21.851.809.639**	**3.180.071.612.403**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	943.555.805.993	4.666.745.055	948.222.551.048
Tăng vốn trong kỳ	300.000.000.000	911.866.210.000		20.000.000	1.211.886.210.000
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(3.200.000.000)	-	(3.200.000.000)
Trả cổ tức	-	-	(598.500.000.000)	(45.350.446)	(598.545.350.446)
Biến động khác	-	-	-	52.909	52.909
Số dư 30/09/2026	**2.850.000.000.000**	**911.866.210.000**	**950.075.608.757**	**26.493.257.157**	**4.738.435.075.914**

Vốn cổ phần
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/09/2026		01/01/2026	
	Số cổ phiếu	**VND**	**Số cổ phiếu**	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt	285.000.000	2.850.000.000.000	255.000.000	2.550.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	285.000.000	2.850.000.000.000	255.000.000	2.550.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	285.000.000	2.850.000.000.000	255.000.000	2.550.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND, hiện đang được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã "HPA". Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát là công ty mẹ trực tiếp được thành lập tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty có các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

- Thức ăn chăn nuôi;
- Chăn nuôi heo;
- Chăn nuôi bò;
- Chăn nuôi gia cầm.

Công ty không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Công ty hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất .

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về tài sản và các khoản nợ phải trả bộ phận tại ngày 30 tháng 09 năm 2026

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi heo	Chăn nuôi bò	Chăn nuôi gia cầm	Công ty mẹ	Loại trừ	Tổng
Tài sản bộ phận	1.259.222.023.061	2.913.889.447.919	1.504.452.268.052	491.336.086.566	4.283.697.837.774	(4.476.642.823.753)	5.975.954.839.619
Nợ phải trả bộ phận	730.878.644.492	636.544.811.254	461.099.562.485	76.888.694.692	4.052.048.541	(671.943.997.759)	1.237.519.763.705

Thông tin về tài sản và các khoản nợ phải trả bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi heo	Chăn nuôi bò	Chăn nuôi gia cầm	Công ty mẹ	Loại trừ	Tổng
Tài sản bộ phận	1.059.749.090.455	1.748.927.427.825	995.640.654.465	618.054.854.133	3.606.602.846.082	(3.328.658.760.176)	4.700.316.112.784
Nợ phải trả bộ phận	632.864.131.303	748.915.756.229	174.550.516.422	268.054.854.133	440.076.680.163	(744.217.437.869)	1.520.244.500.381

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và chi phí bộ phận quý 3 năm 2026

	Thức ăn chăn nuôi VND	Chăn nuôi heo VND	Chăn nuôi bò VND	Chăn nuôi gia cầm VND	Công ty mẹ VND	Loại trừ VND	Tổng VND
Doanh thu thuần							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	599.984.046.089	817.175.696.939	19.910.933.238	199.892.137.140	-	-	1.636.962.813.406
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	489.088.202.000	-	-	144.625.000	-	(489.232.827.000)	-
Tổng doanh thu thuần	**1.089.072.248.089**	**817.175.696.939**	**19.910.933.238**	**200.036.762.140**	**-**	**(489.232.827.000)**	**1.636.962.813.406**
Kết quả kinh doanh							
Lợi nhuận trước thuế của bộ phận	113.787.466.037	204.597.628.937	(11.420.609.662)	22.775.543.242	(627.595.108)	9.770.918.593	338.883.352.039
(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.899.931.701)	(14.012.267.975)	-	(1.673.555.122)	-	(1.293.609.974)	(38.879.364.772)
Lợi nhuận sau thuế	**91.887.534.336**	**190.585.360.962**	**(11.420.609.662)**	**21.101.988.120**	**(627.595.108)**	**8.477.308.619**	**300.003.987.267**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và chi phí bộ phận quý 3 năm 2025

	Thức ăn chăn nuôi VND	Chăn nuôi heo VND	Chăn nuôi bò VND	Chăn nuôi gia cầm VND	Công ty mẹ VND	Loại trừ VND	Tổng VND
Doanh thu thuần							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	509.041.659.508	913.123.869.581	384.947.284.487	223.997.547.472	-	-	2.031.110.361.048
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	455.592.052.900	-	-	134.750.000	-	(455.726.802.900)	-
Tổng doanh thu thuần	**964.633.712.408**	**913.123.869.581**	**384.947.284.487**	**224.132.297.472**	**-**	**(455.726.802.900)**	**2.031.110.361.048**
Kết quả kinh doanh							
Lợi nhuận trước thuế của bộ phận	99.110.212.277	220.342.857.341	8.298.538.294	59.238.754.819	454.462.937.262	(454.155.395.363)	387.297.904.630
(Chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp	(16.910.494.433)	(9.288.203.566)	-	(3.026.165.548)	-	(72.309.585)	(29.297.173.132)
Lợi nhuận sau thuế	**82.199.717.844**	**211.054.653.775**	**8.298.538.294**	**56.212.589.271**	**454.462.937.262**	**(454.227.704.948)**	**358.000.731.498**

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 3 năm 2026 VND	Quý 3 năm 2025 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.684.864.939.832	2.084.030.511.205
	1.684.864.939.832	**2.084.030.511.205**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	47.807.095.646	52.906.079.257
Giảm giá hàng bán	-	8.300.000
Hàng bán bị trả lại	95.030.780	5.770.900
	47.902.126.426	**52.920.150.157**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý 3 năm 2026 VND	Quý 3 năm 2025 VND
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	1.227.263.153.491	1.545.999.113.869
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho và tài sản sinh học ngắn hạn	(3.631.405.964)	1.449.386.734
	1.223.631.747.527	**1.547.448.500.603**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3 năm 2026 VND	Quý 3 năm 2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.276.503.024	9.542.223.644
Lãi chênh lệch tỷ giá	475.699.905	4.225.808.439
Doanh thu hoạt động tài chính khác	319.174.177	553.124.618
	35.071.377.106	**14.321.156.701**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3 năm 2026 VND	Quý 3 năm 2025 VND
Lãi tiền vay	11.773.667.303	21.007.857.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá	74.665.988	1.132.622.536
Chi phí tài chính khác	28.876.644	37.793.707
	11.877.209.935	**22.178.273.821**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 3 năm 2026	Quý 3 năm 2025
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	25.082.878.317	20.272.067.161
Chi phí khấu hao và phân bổ	259.138.821	359.800.599
Chi phí vận chuyển	20.473.232.494	18.026.363.543
Chi phí bán hàng khác	7.724.447.613	10.324.844.535
	53.539.697.245	**48.983.075.838**
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	23.195.997.169	21.987.498.711
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.681.451.567	1.504.755.371
Phí, lệ phí	94.755.979	58.280.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.721.303.802	17.444.333.645
	44.693.508.517	**40.994.867.825**

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý 3 năm 2026	Quý 3 năm 2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	36.641.092.073	27.349.987.723
Thuế TNDN trích (thừa)/ thiếu năm trước	54.160.111	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**36.695.252.184**	**27.349.987.723**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất và hưởng các ưu đãi thuế theo quy định trong các giấy Chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành.

29. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Công ty quý III năm 2026 là 300.004 triệu đồng, giảm 16% tương ứng 57.997 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2025 (Quý III năm 2025 là 358.001 triệu đồng), chủ yếu do giá bán trứng và sản lượng tiêu thụ tại các mảng heo, bò giảm. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh được hỗ trợ tích cực bởi giá bán heo cải thiện, tăng trưởng của mảng thức ăn chăn nuôi, doanh thu tài chính tăng và chi phí tài chính giảm. Đây là những yếu tố thuận lợi góp phần củng cố hiệu quả hoạt động của Công ty trong các kỳ tiếp theo.

Nguyễn Thị Hồng Thắng
Người lập biểu/Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0900986272 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
TỈNH HƯNG YÊN

Phạm Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT
Trụ sở: KCN Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
ĐCLH: 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
ĐT: 024 6279 7000
W: nongnghiep.hoaphat.com.vn